TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01 /2020/ HNGĐ - ST
Ngày 11/ 3 /2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ký

Bà Trần Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô *tham gia phiên toà:* Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, giải quyết nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX - ST ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984

HKTT: Xóm 2, thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện nay tạm trú tại: 710/5/5/2C Bình Giã, phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm 2, thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị L, anh V vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/12/2019, bản tự khai chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Đức V là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 21/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ anh V tại xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô. Quá trình chung sống, vợ chống anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng bốn tháng, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V thường xuyên rượu chè, cờ bạc và lười lao động. Nhiều lần chị L có khuyên bảo, động viên anh nhưng anh V vẫn không tiếp thu mà vẫn thường xuyên chửi chị và đánh đập chị. Vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mẹ chồng chị cũng có can ngăn để anh V không đánh chị và để vợ chồng cải thiện cuộc sống, nhưng anh V không sửa chữa vẫn chứng nào tật nấy. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh con, khi con được ba tháng tuổi, anh V và gia đình đã phân tích hòa giải cho hai vợ chồng về đoàn tụ, khi hai vợ chồng anh chị về đoàn tụ thì anh V tiếp tục không chịu tu chí làm ăn, say rượu suốt ngày, không quan tâm đến vợ con, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ngày 9/6/2014 chị L đã bế con vào thành phố V sinh sống từ đó đến nay. Từ khi chị L vào thành phố V sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh V không thăm hỏi vợ con và không có trách nhiệm với con cái, một mình chị L chăm sóc nuôi dậy con chung. Đến nay chị L xác định tình cảm giữa chị và anh V không còn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Nguyễn Đức V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 17/4/2013. Hiện nay cháu H đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung, nên chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 /02/2020 anh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 21 tháng 5 năm 2012.Trong quá trình vợ chồng chung sống cũng có va chạm trong cuộc sống, nên dẫn đến đầu năm 2014 sau khi con được một tuổi, chị L đã bế con bỏ đi hai lần. Anh và gia đình đã nhiều lần phải đi tìm chị L để vợ chồng đoàn tụ khắc phục mâu thuẫn và đến cuối năm 2014 chị L về ở cùng với anh ở xã Khánh Thượng được khoảng một năm. Đến khoảng tháng 3 năm 2015 chị L lại bỏ đi từ đó cho đến nay. Anh và chị L không liên lạc hay hỏi thăm hay quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Vợ chồng anh

sống ly thân từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay. Nay chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn, anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Về con chung vợ chồng có một con chung tên là cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 17/4/2013. Quan điểm của anh V khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thúy H cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên và đề nghị Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, hiện nay anh V không có nghề nghiệp.

Về tài sản: Anh V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2020 Ủy ban nhân dân xã K đã cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức V lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 21/5/2012. Quá trình chị L và anh V chung sống với nhau tại xã K được khoảng một năm, thời gian này vợ chồng chị L, anh V phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V thường xuyên uống rượu, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên đến khoảng tháng 6 năm 2014 chị L đã bỏ đi miền Nam không sinh sống tại địa phương, anh V vẫn sinh sống tại địa phương. Nay chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh V, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành quy định của Bộ luật Tố luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành pháp luật, có lần Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 17/4/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến khi thành niên, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L.

Về tài sản chung: Chị L và anh V không đề nghị nên không giải quyết

Về án phí: Chị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đức V. Anh Nguyễn Đức V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 2, thôn Lam Sơn, xã K, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết là phù hợp với Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Đức V đến Tòa án nhân dân huyện Yên Mô làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án và trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án . Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Yên Mô có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L và anh V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Đức V lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị L và anh V chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng bốn tháng, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V thường xuyên uống rượu, lười lao động, không quan tâm gì đến vợ con nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 6 /2014 chị L bế con bỏ vào thành phố V sinh sống và từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Quá trình giải quyết vụ án, anhV cũng xác định vợ chồng anh sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L. Do bận công việc không thể đến tham gia phiên tòa được nên cả anh V và chị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị L xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh V là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị L và anh V có một con chung cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 17/ 04/2013. Hiện nay cháu H đang do chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh V đều thống nhất giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy cần chấp nhận đề nghị của chị L, anh V giao cháu Nguyễn Thúy H cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

[4]Tài sản chung: Chị L và anh V đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]Án phí, quyền kháng cáo:

Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí chị L phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức V. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 17/04/ 2013 đến khi cháu H thành niên. Anh Nguyễn Đức V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Chị L không được cản trở anh V thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2016/0002202 ngày 26/12 /2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị L, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô (1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Y (1)
- UBND xã K (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa